



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Hải Phát

Ngày 30/06/2025	4,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-6.0%	-9.4%

DT thuần Q2/25
489
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 390 395%
YoY: ▲ 158 47.6%

LN thuần Q2/25
57.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.1 180%
YoY: ▲ 19.6 51.4%

LN sau thuế Q2/25
35.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.2 135%
YoY: ▲ 3.80 12.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
27.1%
YoY: +/- ▼ 18.3%

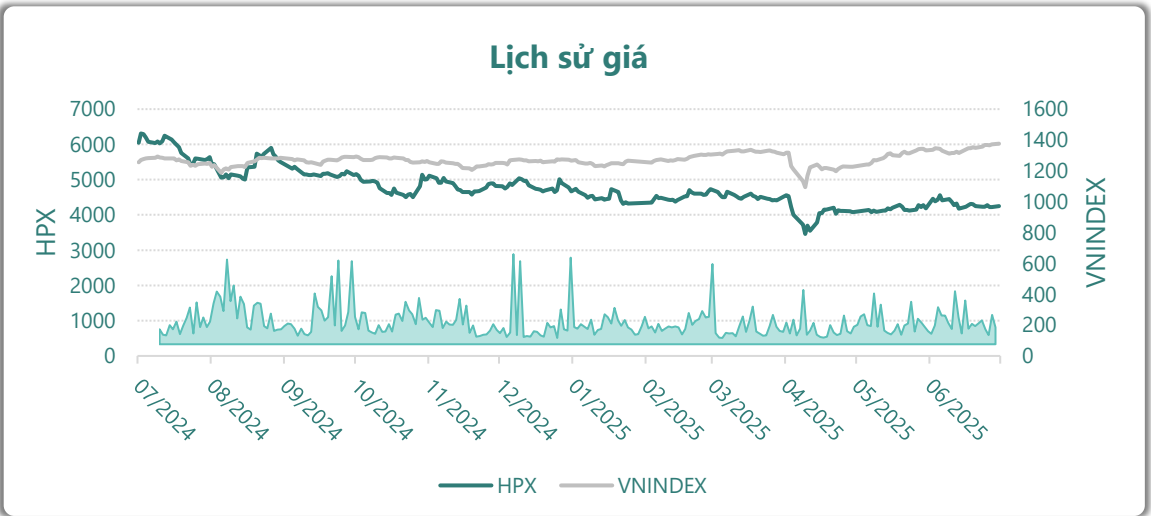
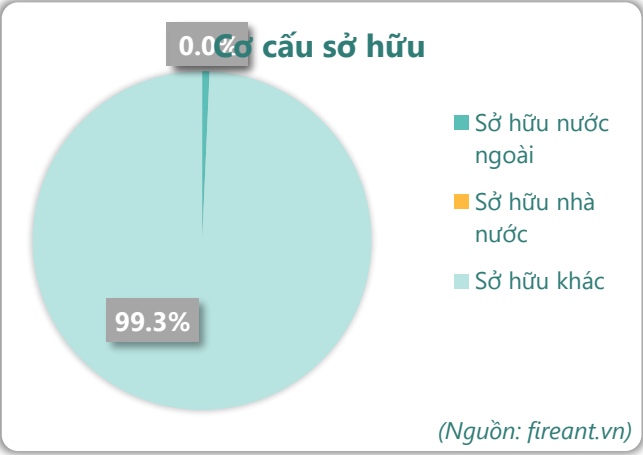
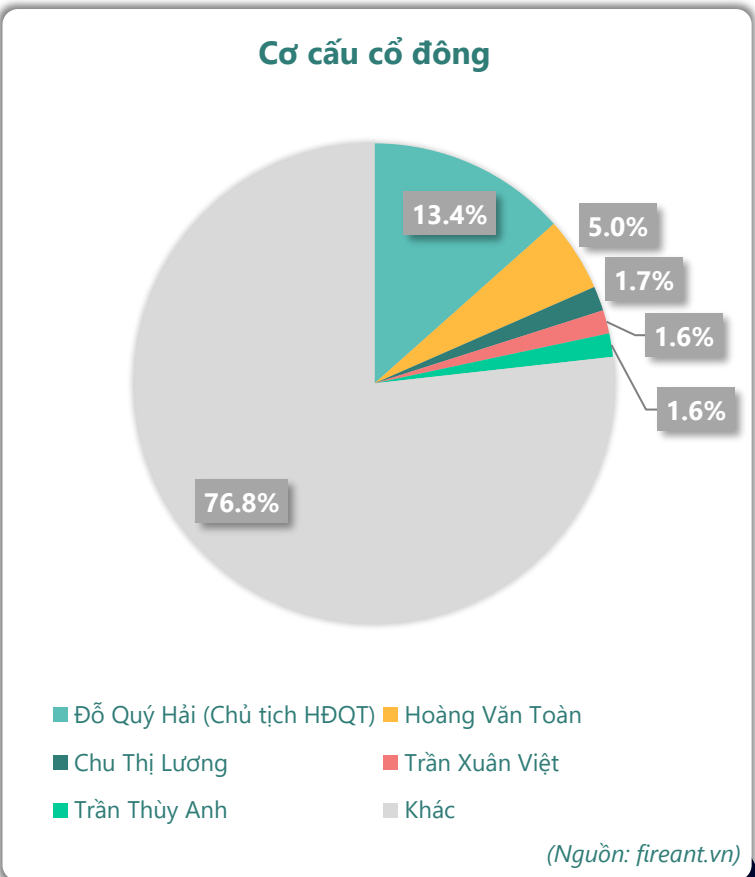
ROE (TTM) Q2/25
1.7%
YoY: +/- ▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,460 - 6,310
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,293
Số lượng CPLH (CP)	304,168,581
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,077,000
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.88
EPS	205
P/E	20.7

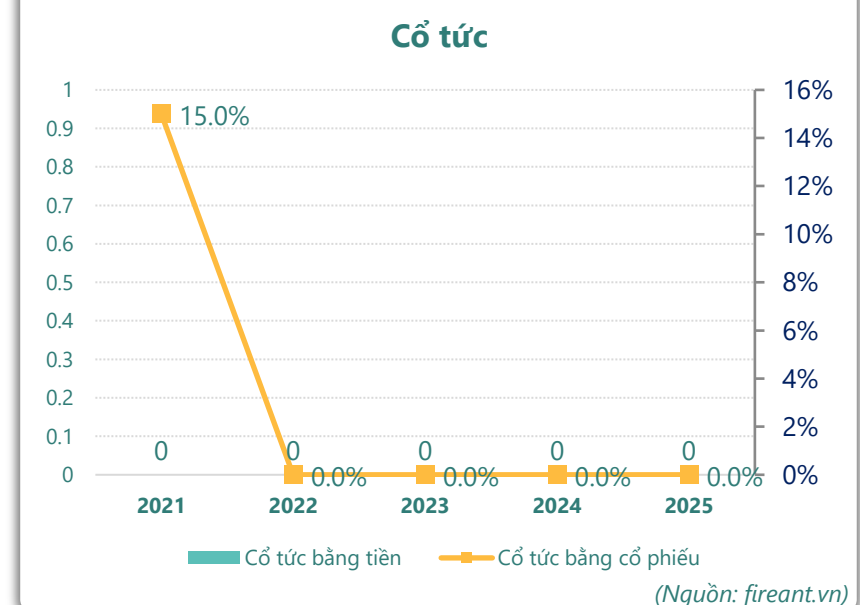
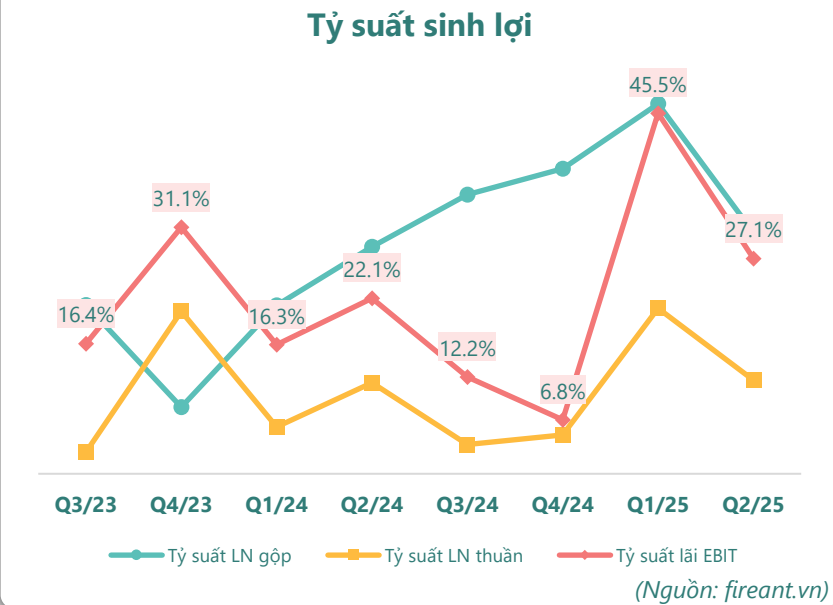
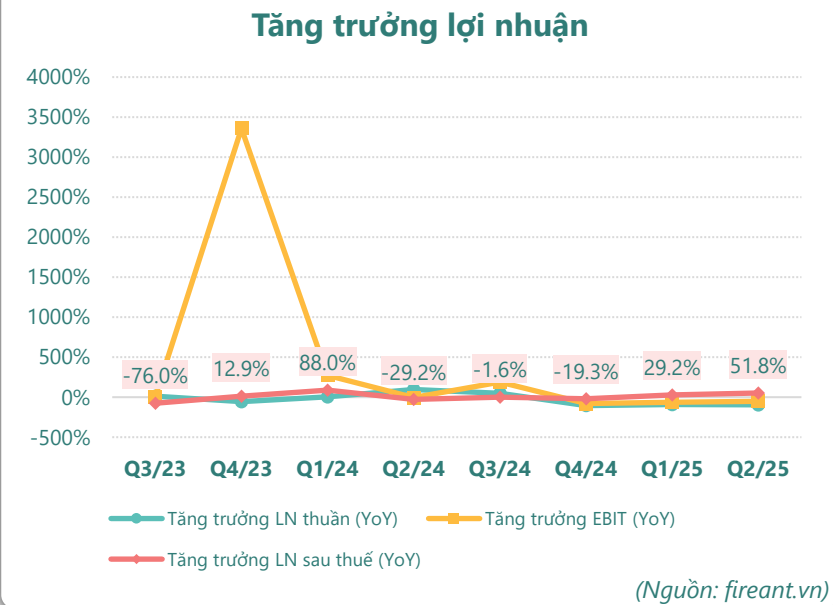
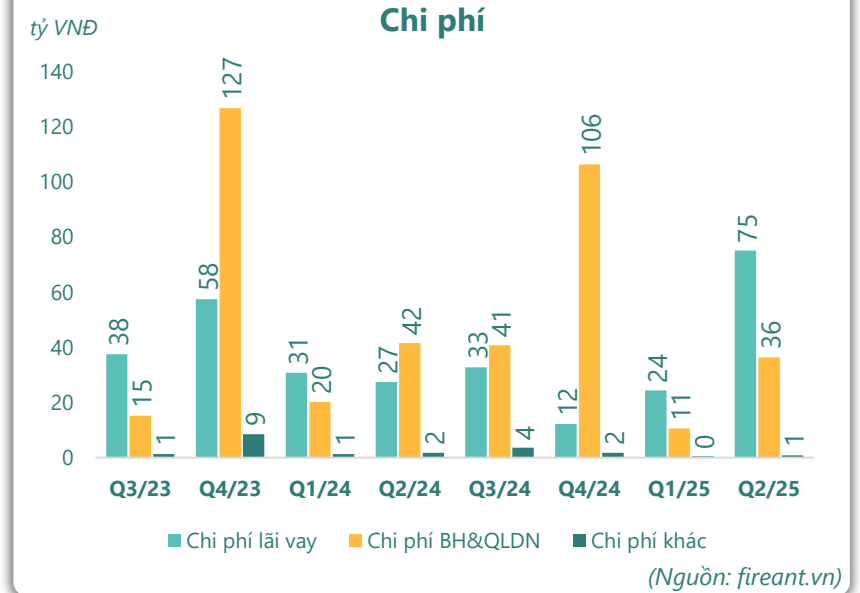
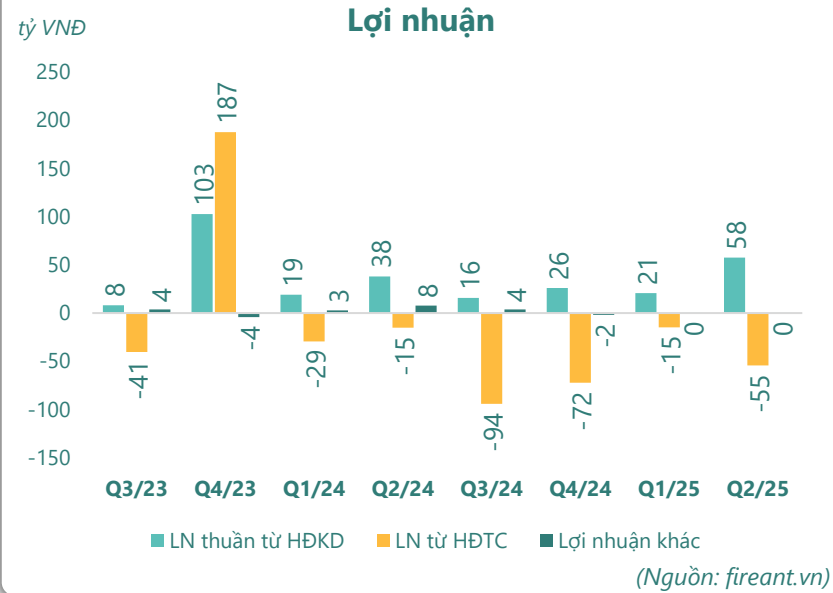
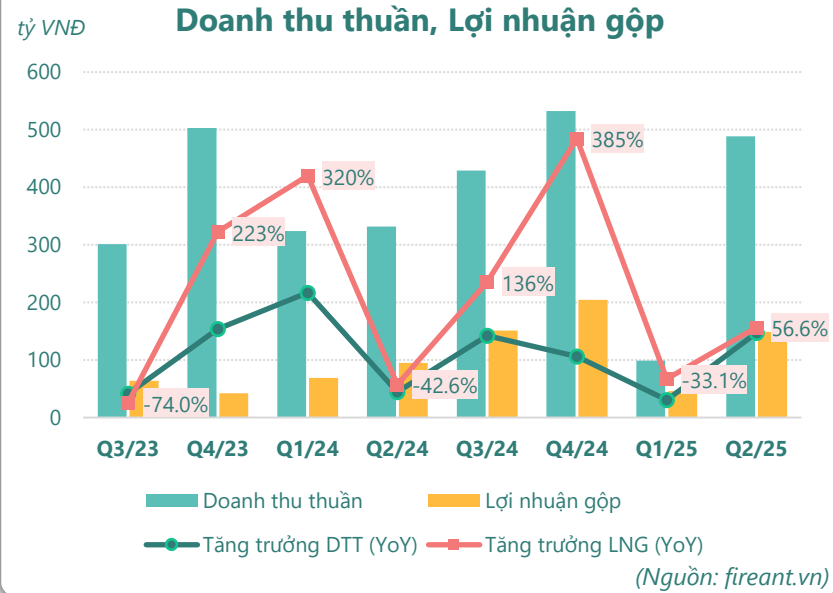
DT thuần 6T 2025
587
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 68.0 -10.3%

LN thuần 6T 2025
78.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.1 36.9%

LN sau thuế 6T 2025
50.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 6.5%



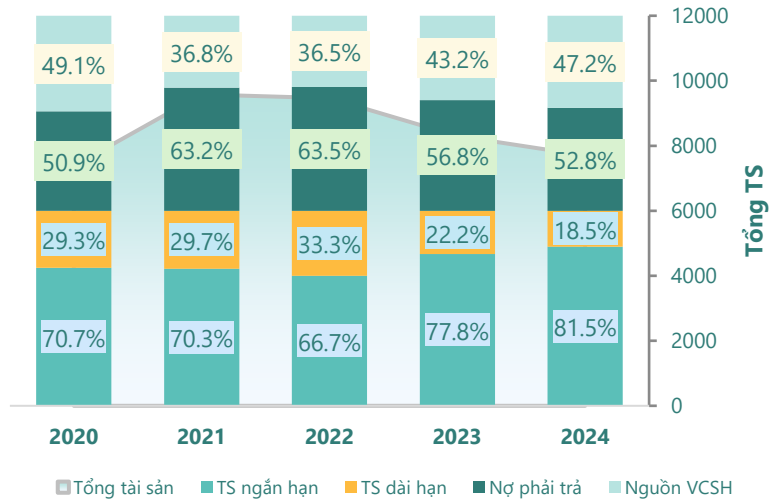
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

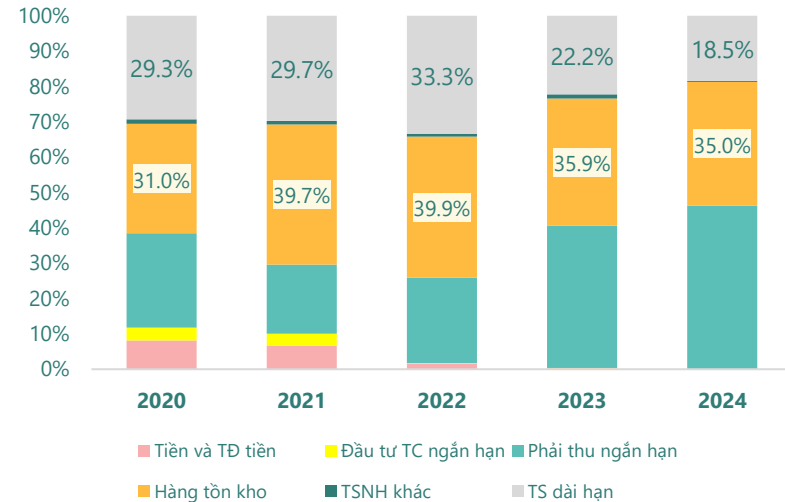
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

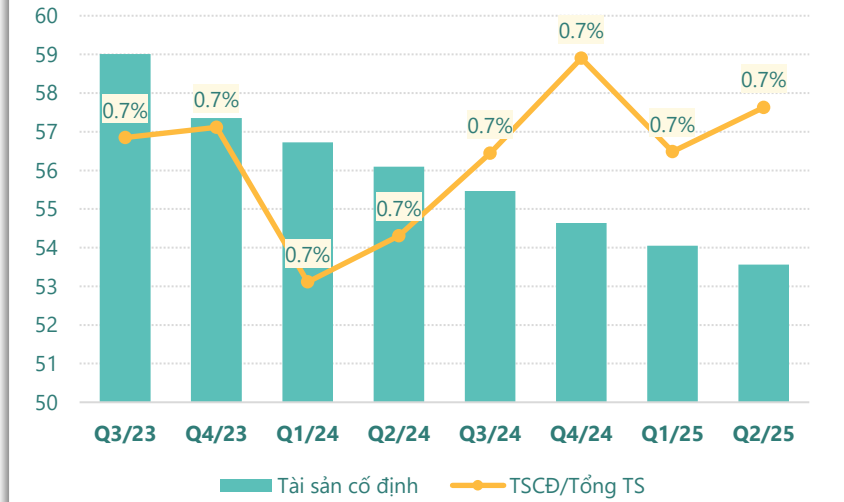
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

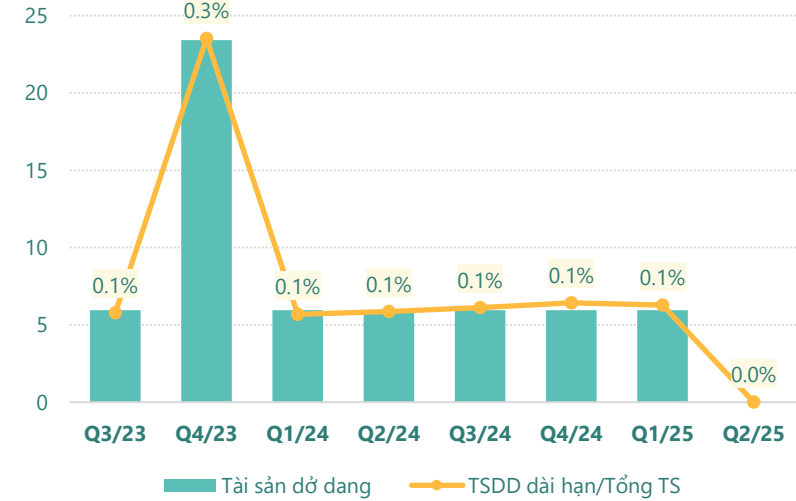
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

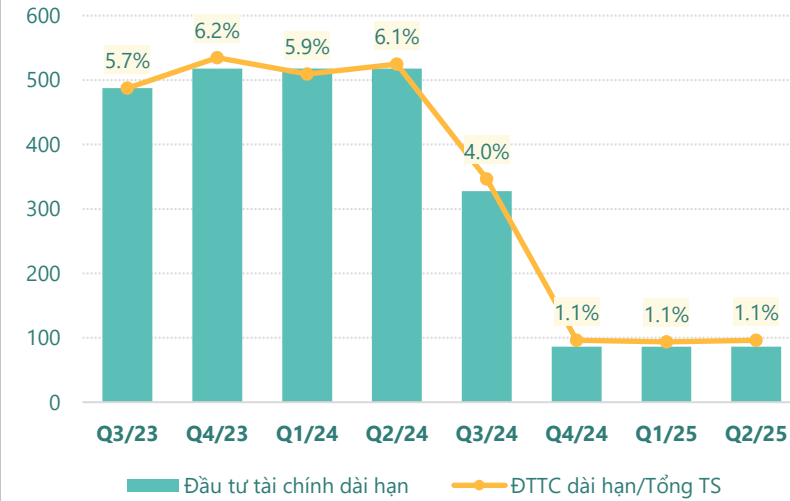
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

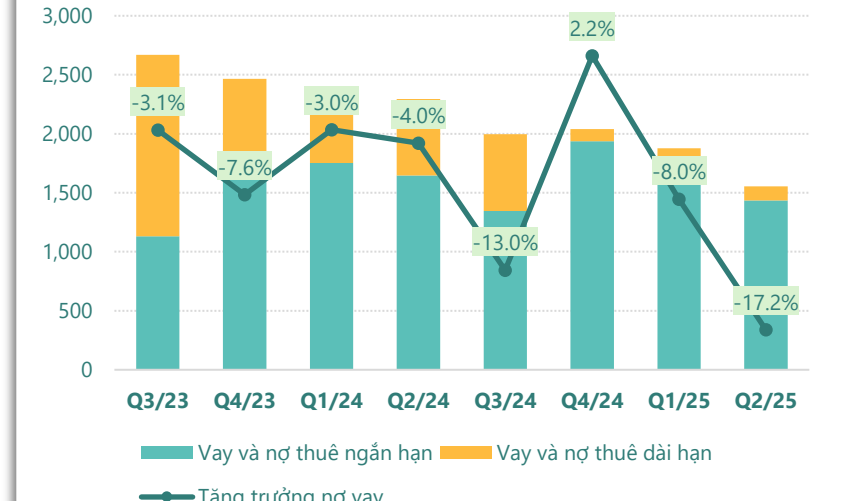
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

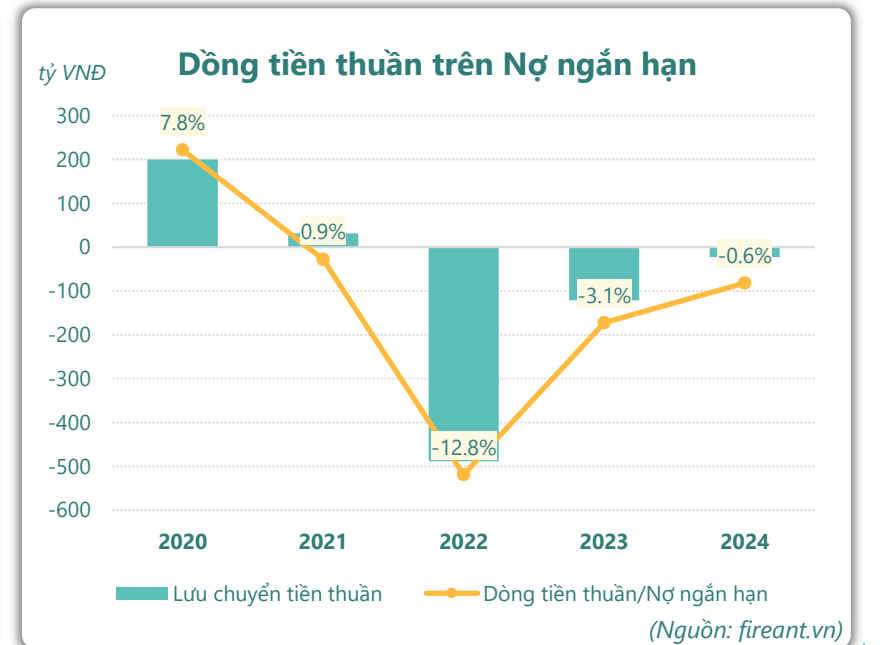
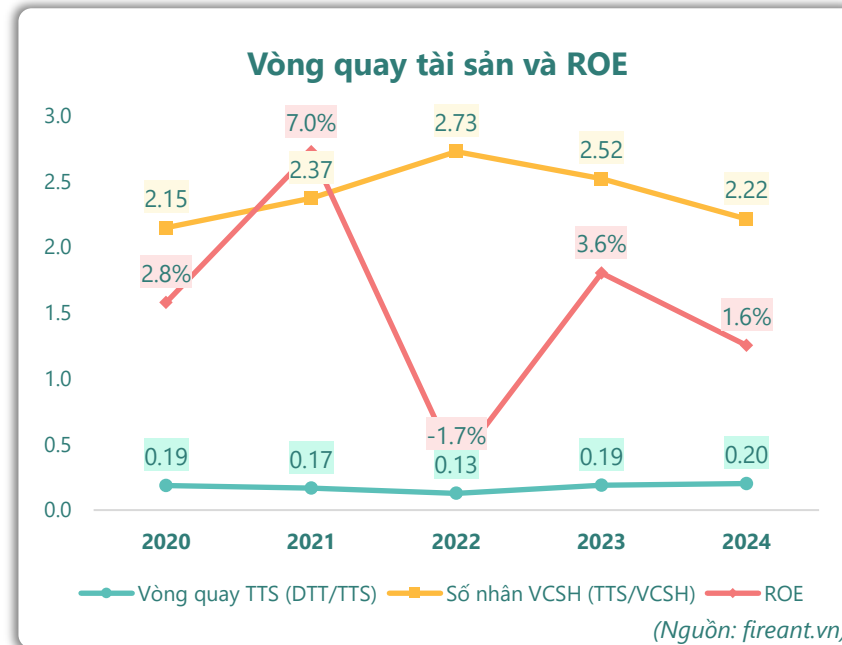
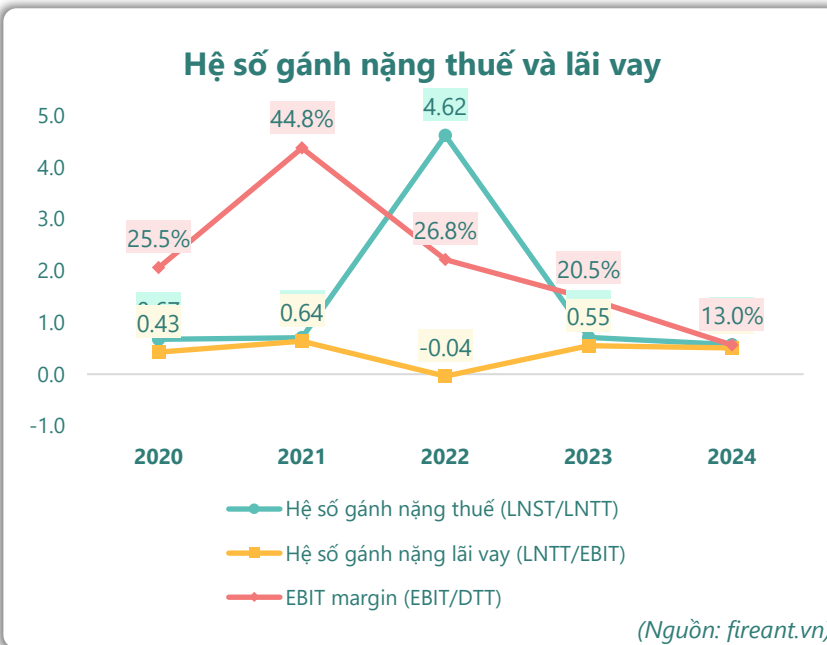
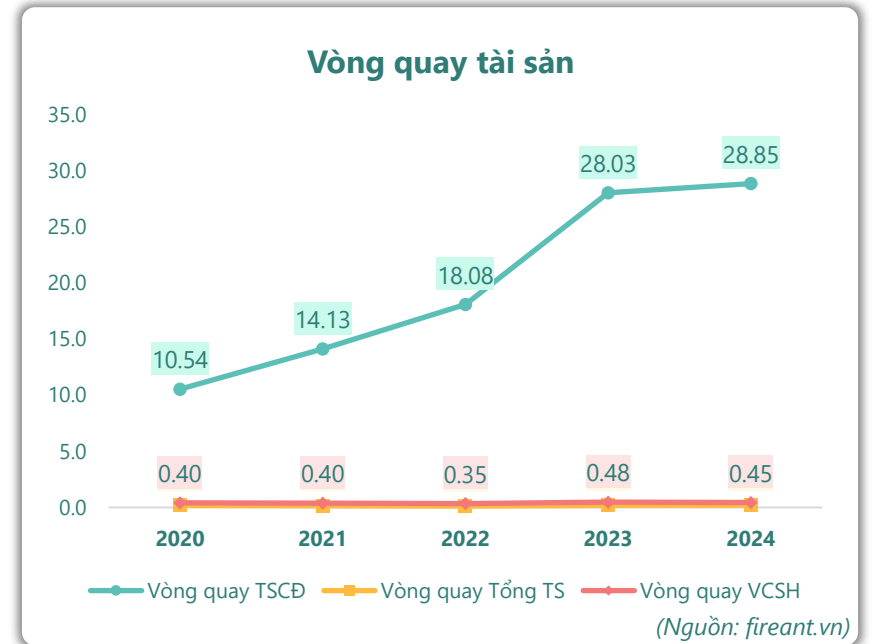
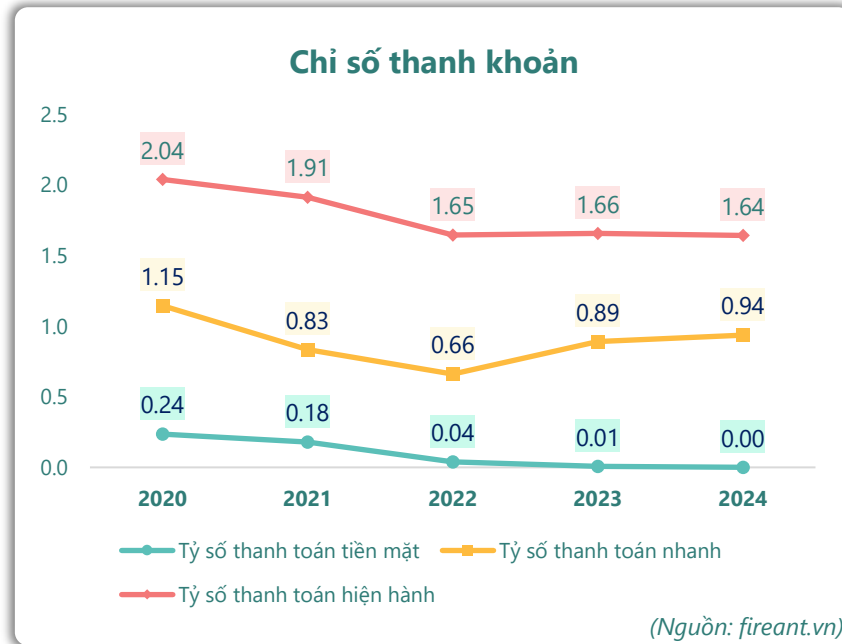
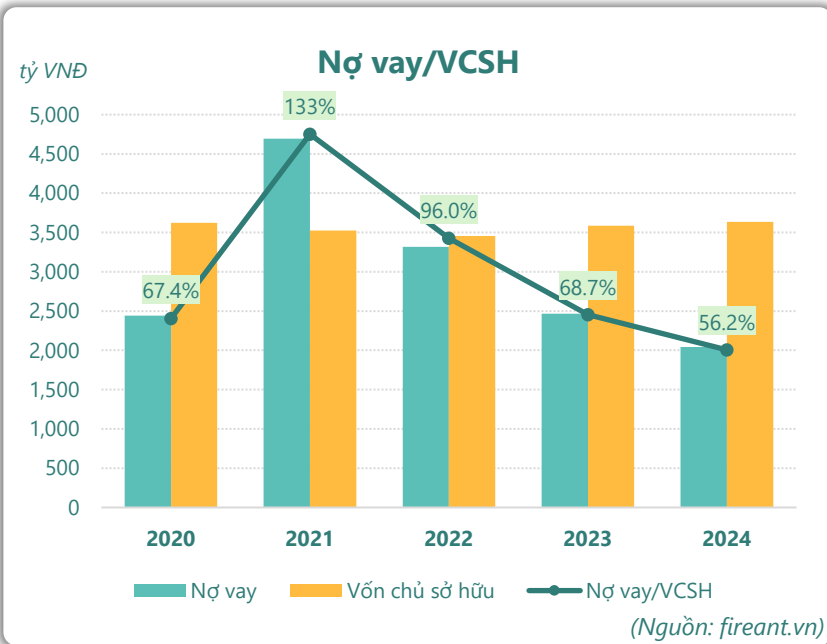
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	489	331	47.6%	587	655	-10.3%
Giá vốn hàng bán	340	237	43.5%	393	492	-20.1%
Lợi nhuận gộp	149	94.9	56.6%	195	164	18.9%
Doanh thu HĐTC	21.0	12.8	64.4%	30.9	15.3	102%
Chi phí TC	75.5	28.1	169%	100	60.0	67.1%
Chi phí lãi vay	75.2	27.5	174%	99.6	58.2	71.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.45	28.0	-98.4%	0.90	36.8	-97.5%
Chi phí QLDN	36.0	13.5	166%	46.1	25.1	84.0%
LN thuần từ HĐKD	57.7	38.1	51.4%	78.3	57.2	36.9%
Lợi nhuận khác	-0.45	7.81	-106%	-0.54	10.5	-105%
LN trước thuế	57.2	45.9	24.7%	77.7	67.7	14.8%
Lợi nhuận sau thuế	35.2	31.4	12.3%	50.2	47.2	6.5%
LNST của CĐ cty mẹ	33.1	29.0	14.0%	47.5	45.9	3.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	621	-30.6	376	-357	242	332
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-504	75.1	-73.1	297	-24.0	-6.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-76.1	-96.2	-298	43.2	-163	-323
Tiền đầu kỳ	24.8	64.9	13.3	18.1	1.97	57.2
Lưu chuyển tiền thuần	40.2	-51.7	4.79	-16.1	55.3	2.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.9	13.3	18.1	1.97	57.2	59.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,693	7,702	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	6,301	6,280	0.3%
Tiền và tương đương tiền	59.8	1.97	2931%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.75	6.70	0.7%
Phải thu ngắn hạn	3,779	3,555	6.3%
Hàng tồn kho	2,451	2,697	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.37	19.3	-77.4%
Tài sản dài hạn	1,391	1,421	-2.1%
Phải thu dài hạn	724	714	1.5%
Tài sản cố định	53.6	54.6	-2.0%
Bất động sản đầu tư	519	552	-5.9%
Tài sản dở dang	0	5.95	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.3	86.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	7.97	9.07	-12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,010	4,068	-1.4%
Nợ ngắn hạn	3,220	3,821	-15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,436	1,936	-25.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	179	198	-9.6%
Nợ dài hạn	790	247	220%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	105	13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,683	3,634	1.3%
Vốn chủ sở hữu	3,683	3,634	1.3%
Vốn điều lệ	3,042	3,042	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

